

Chi tiết mã HS 8501.10.91

Mã HS	8501.10.91
Mô tả hàng hóa	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện) / - Động cơ có công suất không quá 37,5 W: / - - Động cơ khác, kể cả động cơ vận năng (một chiều/xoay chiều): / - - - Loại khác: / - - - - Loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 06:55:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85011091/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14845
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14845
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14845
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, TH)	0% (trừ KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14138
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14079
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14079
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14079
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14079
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14079
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14079
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E14133
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14133
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14133

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14133
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14133
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14133
VJEPa	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14134
VJEPa	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14134
VJEPa	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14134
VJEPa	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14134
VJEPa	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14134
VJEPa	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14134
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F14137
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14085
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F14093
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G14093
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H14093
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I14093
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J14093
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K14093
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14124
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14124
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14124
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14124
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14124
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14124
VCFTA	2022	2022	3	VC!D14179
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14179
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14179

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14179
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14179
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14179
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14156
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14156
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14156
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14156
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14156
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14156
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D14156
AHKFTA	2023	2023	3	AKH!E14156
AHKFTA	2024	2024	3	AKH!F14156
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G14156
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H14156
AHKFTA	2027	2027	3	AKH!I14156
EVFTA	2022	2022	0,7	EV-NK!D14171
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14171
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14171
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14171
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14171
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14171
UKVFTA	2022	2022	0,7	UKV!D14170
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14170
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14170
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14170
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14170
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14163
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14163
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14163
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14163
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14163
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14163
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14163
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14158
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14158
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14158
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14158
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14158
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14158
RCEP B	2022	2022	0	B!D14158
RCEP B	2023	2023	0	B!E14158
RCEP B	2024	2024	0	B!F14158
RCEP B	2025	2025	0	B!G14158
RCEP B	2026	2026	0	B!H14158
RCEP B	2027	2027	0	B!I14158
RCEP C	2022	2022	0	C!D14158
RCEP C	2023	2023	0	C!E14158
RCEP C	2024	2024	0	C!F14158
RCEP C	2025	2025	0	C!G14158
RCEP C	2026	2026	0	C!H14158
RCEP C	2027	2027	0	C!I14158

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D14157
RCEP D	2023	2023	0	D!E14157
RCEP D	2024	2024	0	D!F14157
RCEP D	2025	2025	0	D!G14157
RCEP D	2026	2026	0	D!H14157
RCEP D	2027	2027	0	D!I14157
RCEP E	2022	2022	0	E!D14161
RCEP E	2023	2023	0	E!E14161
RCEP E	2024	2024	0	E!F14161
RCEP E	2025	2025	0	E!G14161
RCEP E	2026	2026	0	E!H14161
RCEP E	2027	2027	0	E!I14161
RCEP F	2022	2022	0	F!D14158
RCEP F	2023	2023	0	F!E14158
RCEP F	2024	2024	0	F!F14158
RCEP F	2025	2025	0	F!G14158
RCEP F	2026	2026	0	F!H14158
RCEP F	2027	2027	0	F!I14158
VIFTA	2024	2024	2,7	VI!F13159
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G13159
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H13159
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I13159

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 3%, AKFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (3%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 3%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8501.10 có 11 dòng thuế; dòng 8501.10.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16.	8501.10.21 Loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16; 8501.10.22 Loại khác, công suất không quá 5 W; 8501.10.29 Loại khác; 8501.10.30 Động cơ hướng trục (SEN); 8501.10.41 Loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.09 hoặc 85.16; 8501.10.49 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8501.10.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8501.10.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14845), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn
--------	-------	------------------------------	---	--	---------------	--	---------------------------------------

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)
Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.